TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2021/HNGĐ-ST
Ngày 25-11-2021
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Len.

2. Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị **Đặng Thị D** - Sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn NP, xã TT, huyện TT1, tỉnh Thái Bình.

** Bị đơn:* Anh **Hoàng Văn N** - Sinh năm 1982.

ĐKHK: Thôn NP, xã TT, huyện TT1, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện nay: Korea, C-do, S-si, H-myeon, H.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Hoàng Văn N1**, sinh năm 1958

2. Bà **Phạm Thị L**, sinh năm 1962

Đều trú tại: Thôn PT, xã TT, huyện TT1, tỉnh Thái Bình.

(Có mặt: Chị D; Anh N, ông N1, bà L có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn - chị Đặng Thị D trình bày:* Chị và anh Hoàng Văn N kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thái Thành (nay là xã TT), huyện TT1, tỉnh Thái Bình ngày 26/02/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên năm 2009 anh N đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc bằng điện thoại, anh N thỉnh thoảng nghỉ phép về Việt Nam. Đến năm 2019, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn N.

Chị và anh N có 02 con chung là Hoàng Hải A, sinh ngày 09/01/2009 và Hoàng Gia B, sinh ngày 20/7/2013. Ly hôn, chị và anh N thống nhất, chị nuôi con Hoàng Gia B, anh N nuôi con Hoàng Hải A. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay anh N đang làm việc và sinh sống ở nước ngoài không thể trực tiếp nuôi con, anh N ủy quyền cho ông Hoàng Văn N1 và bà Phạm Thị L (bố mẹ anh N) nuôi con Hoàng Hải A giúp anh N trong thời gian lao động ở nước ngoài chị đồng ý.

Chị và anh Hoàng Văn N tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về con chung và tài sản chung; Bản tự khai ghi ngày 05/8/2021; Đơn trình bày; Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt ghi ngày 02/11/2021 gửi từ Hàn Quốc về; Bị đơn - anh Hoàng Văn N trình bày:* Anh và chị Đặng Thị D kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thái Thành (nay là xã TT), huyện TT1, tỉnh Thái Bình ngày 26/02/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên anh phải đi làm xa nhà. Đến năm 2019, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Nay chị Đặng Thị D đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh đồng ý.

Anh và chị Đặng Thị D có 02 con chung là Hoàng Hải A, sinh ngày 09/01/2009 và Hoàng Gia B, sinh ngày 20/7/2013. Ly hôn, anh và chị D thống nhất, chị D nuôi con Hoàng Gia B, anh nuôi con Hoàng Hải A. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh và chị D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay anh đang làm việc và sinh sống ở nước ngoài nên anh không thể trực tiếp nuôi con, anh ủy quyền cho ông Hoàng Văn N1 và bà Phạm Thị L (bố mẹ anh) nuôi giúp con Hoàng Hải A trong thời gian anh lao động ở nước ngoài. Về việc cấp dưỡng nuôi con anh và ông N1, bà L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh và chị Đặng Thị D tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay anh đang làm việc và sinh sống ở nước ngoài không thể về tham gia tố tụng tại Tòa án anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Hoàng Văn N1 và bà Phạm Thị L trình bày:* Ông bà là bố mẹ đẻ của anh Hoàng Văn N, hiện tại anh N đang lao động tại Hàn Quốc. Vợ chồng anh N, chị D sống không còn tình cảm với nhau, chị D làm đơn ly hôn anh N, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn theo quy định của pháp luật.

Anh Hoàng Văn N và chị Đặng Thị D có có 02 con chung là Hoàng Hải A, sinh ngày 09/01/2009 và Hoàng Gia B, sinh ngày 20/7/2013. Ly hôn chị D và anh N thống nhất anh N nuôi con Hoàng Hải A, chị D nuôi con Hoàng Gia B, cháu Hải A có đơn xin ở với bố và ông bà nội. Hiện tại anh N đang lao động tại Hàn Quốc nên ủy quyền cho ông bà nuôi cháu Hải A trong thời gian anh N đi lao động ở nước ngoài, ông bà đồng ý. Ông bà sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hải A đến khi anh N về Việt Nam. Các chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hải A ông bà và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc bận mải, ông bà không thể đến Tòa án tham gia tố tụng trong vụ án, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* **Về tố tụng***:* Anh Hoàng Văn N, ông Hoàng Văn N1, bà Phạm Thị L có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt hợp lệ, áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*** Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị D và anh Hoàng Văn N kết hôn hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 26/02/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Thái Thành (nay là xã TT), huyện TT1, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2009 anh N đi lao động làm ăn ở nước ngoài, vợ chồng xa nhau thiếu sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau dẫn đến mâu thuẫn phát sinh bất đồng quan điểm sống. Năm 2019, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị D xin ly hôn anh N đồng ý thể hiện mục đích hôn nhân giữa các đương sự không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Đặng Thị D được ly hôn anh Hoàng Văn N là phù hợp pháp luật.

[2] Về con chung: Chị Đặng Thị D và anh Hoàng Văn N có 02 con chung là Hoàng Hải A, sinh ngày 09/01/2009 và Hoàng Gia B, sinh ngày 20/7/2013. Ly hôn anh N, chị D thỏa thuận, anh N nuôi con Hoàng Hải A, chị D nuôi con Hoàng Gia B. Đồng thời anh N ủy quyền cho ông Hoàng Văn N1 và bà Phạm Thị L (bố mẹ anh N) chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hải A trong thời gian anh N lao động làm ăn ở nước ngoài, các đương sự đều nhất trí. Cháu Hải A có đơn xin ở với bố, cháu Gia B có đơn xin ở với mẹ. Vì vậy, áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận của các đương sự là phù hợp. Do anh N và ông N1, bà L đề nghị tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi cháu Hải A nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Chị Đặng Thị D và anh Hoàng Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, vì vậy không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Đặng Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị D được ly hôn anh Hoàng Văn N.

2. Về quan hệ con chung: Chị Đặng Thị D nuôi con chung Hoàng Gia B, sinh ngày 20/7/2013. Anh Hoàng Văn N nuôi con chung Hoàng Hải A, sinh ngày 09/01/2009. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Chấp nhận việc anh Hoàng Văn N ủy quyền cho ông Hoàng Văn N1 và bà Phạm Thị L (bố mẹ anh N) nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hoàng Hải A thay anh N trong thời gian anh lao động làm ăn ở nước ngoài.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Đặng Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Đặng Thị D nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005148 ngày 26/10/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Đặng Thị D, vắng mặt anh Hoàng Văn N, ông Hoàng Văn N1, bà Phạm Thị L. Chị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh N có quyền kháng cáo bản án trong

thời hạn 01 tháng, ông N1, bà L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- UBND xã TT, h. TT1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HC-TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Nguyễn Thị Phương Thảo